VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá

Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 72/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2014.

- Thông tư số 72/2019/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 (Sau đây gọi là Thông tư số 72/2019/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Quyết định số 47/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá.[2]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Căn cứ tính và quản lý thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá (sau đây gọi tắt là Quỹ);

2. Quản lý nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và nguồn thu hợp pháp khác;

3. Quản lý tài chính đối với hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

4. Quản lý tài chính đối với công tác quản lý, điều hành của Quỹ;

---

[2] Thông tư số 72/2019/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 47/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn về thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc, chế độ quản lý tài chính và chế độ hạch toán, kế toán đối với Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá."

5. Chế độ kế toán, thống kê.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá;

2. Cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá; tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến nhập khẩu thuốc lá;

3. Tổ chức, cá nhân nhận tài trợ của Quỹ;

4. Tổ chức, cá nhân tài trợ cho Quỹ;

5. Cơ quan thuế, cơ quan hải quan và Kho bạc Nhà nước nơi cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá kê khai, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu cung cấp thông tin và kiểm tra tình hình kê khai, nộp khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá (sau đây gọi tắt là khoản đóng góp bắt buộc).

Điều 3. Quản lý nhà nước đối với Quỹ

1. Hàng năm, Quỹ phải thực hiện cân đối nguồn tài chính và nhu cầu hoạt động, xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính và quyết toán tài chính. Ngoài các nguồn tài chính quy định tại Chương II và Chương III của Thông tư này, Nhà nước không cấp kinh phí từ ngân sách cho các hoạt động của Quỹ.

2. Quỹ được phép chuyển số thu khoản đóng góp bắt buộc quy định tại Chương II của Thông tư này và các khoản kinh phí năm trước sang năm kế tiếp để sử dụng cho hoạt động của Quỹ theo quy định tại Thông tư này.

3. Hàng năm, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động theo quy định tại Điều 4 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, kế hoạch thu, kế hoạch chi tài chính quy định tại Điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ kèm theo thuyết minh chi tiết để gửi Bộ Y tế, Bộ Tài chính.

Thời hạn gửi kế hoạch hoạt động, kế hoạch thu, kế hoạch chi tài chính của năm lập kế hoạch là trước ngày 20 tháng 7 năm trước liền kề.

4. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ phải lập báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động nghiệp vụ. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ do bộ phận kế toán Quỹ lập, có ý

kiến của Ban Kiểm soát trước khi trình Hội đồng thông qua và Chủ tịch Hội đồng phê duyệt. Thời hạn gửi báo cáo tài chính là trước ngày 31 tháng 3 hàng năm. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

5. Hoạt động của Quỹ phải được kiểm toán độc lập hàng năm và Quỹ gửi báo cáo kiểm toán đến Bộ Y tế, Bộ Tài chính cùng thời hạn với báo cáo tài chính.

6. Quỹ phải thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong quản lý tài chính như quy định về công khai, minh bạch ngân sách nhà nước.

Chương II
CĂN CỨ TÍNH VÀ QUẢN LÝ THU, NỘP KHOẢN ĐÓNG GÓP BẮT BUỘC

Điều 4. Căn cứ tính khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ

Căn cứ tính khoản đóng góp bắt buộc đối với cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá là giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá và tỷ lệ đóng góp bắt buộc.

Khoản đóng góp bắt buộc = Tỷ lệ % đóng góp bắt buộc x giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trong đó:

- Tỷ lệ (%) đóng góp bắt buộc được thực hiện theo lộ trình: 1% từ ngày 01 tháng 5 năm 2013; 1,5% từ ngày 01 tháng 5 năm 2016; 2% từ ngày 01 tháng 5 năm 2019.

- Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 5. Hồ sơ, thời hạn và nơi nộp hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc

1. Hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc gồm:

a) Đối với thuốc lá sản xuất trong nước (bao gồm cả thuốc lá mua để xuất khẩu nhưng được bán trong nước):

- Tờ khai khoản đóng góp bắt buộc theo mẫu số 01/ĐGBB ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt cùng kỳ.

b) Đối với thuốc lá nhập khẩu:

- Tờ khai khoản đóng góp bắt buộc theo mẫu số 02/ĐGBB ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao tờ khai hải quan đã đăng ký theo quy định của pháp luật hải quan.

Bản sao tài liệu quy định tại khoản này phải có xác nhận sao y bản chính của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá.

2. Thời hạn nộp hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc:

Khoản đóng góp bắt buộc được khai cùng với thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá tự khai, tự tính. Cụ thể:

a) Đối với thuốc lá nhập khẩu, hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc theo từng lần phát sinh và thời hạn nộp hồ sơ khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ là sau khi đăng ký tờ khai hải quan và trước khi thông quan giải phóng hàng;

b) Đối với thuốc lá sản xuất trong nước, khoản đóng góp bắt buộc được khai theo tháng và nộp chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc;

c) Đối với thuốc lá mua để xuất khẩu nhưng được bán trong nước, hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc được khai theo từng lần phát sinh và nộp chậm nhất là ngày thứ mười, kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc. Ngày phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc là ngày thuốc lá mua để xuất khẩu nhưng được bán trong nước;

d) Trường hợp hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá chưa đúng quy định thì Quỹ có trách nhiệm yêu cầu hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản, gửi tới cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá có liên quan và thời hạn nộp lại, bổ sung hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc là 07 ngày kể từ ngày của công văn thông báo của Quỹ.

3. Nơi nộp hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc:

a) Hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc theo thời hạn nộp quy định tại khoản 2 Điều này được gửi trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện, chuyển phát nhanh tới trụ sở Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá. Đối với trường hợp nộp qua bưu điện,

chuyển phát nhanh thì ngày nộp hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc được xác định là ngày Quỹ nhận được hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc và được xác nhận trên phiếu giao hàng của đơn vị dịch vụ chuyển phát nhanh.

b) Địa chỉ của Quỹ:

Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá - Bộ Y tế

Số 138A Giảng Võ - Hà Nội

Điện thoại/fax: 04.62733379

4. Thuốc lá sản xuất trong nước do cơ sở sản xuất bán hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế thì không phải khai, nộp khoản đóng góp bắt buộc.

Điều 6. Thời hạn và tài khoản nộp khoản đóng góp bắt buộc

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá tự nộp khoản đóng góp bắt buộc vào tài khoản của Quỹ cùng với thời điểm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Cụ thể:

1. Đối với thuốc lá nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu phải tự chịu trách nhiệm, tự nộp khoản đóng góp bắt buộc trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng. Cơ quan hải quan phối hợp với Quỹ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Đối với thuốc lá sản xuất trong nước và đối với thuốc lá mua để xuất khẩu nhưng được bán trong nước, thời hạn nộp khoản đóng góp bắt buộc chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3.[3] Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá được mở tài khoản theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá ban hành kèm theo Quyết định số 47/2013/QĐ-TTg ngày 29/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 72/2019/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

Điều 7. Hạch toán khoản đóng góp bắt buộc

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá được hạch toán khoản đóng góp bắt buộc vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu có chứng từ nộp khoản đóng góp bắt buộc theo quy định.

Điều 8. Kiểm tra, hướng dẫn nộp khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá

1. Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá là đơn vị chủ trì thực hiện kiểm tra thu, nộp khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá; cơ quan thuế, cơ quan hải quan và Kho bạc Nhà nước phối hợp khi Quỹ có yêu cầu. Cơ quan thuế và cơ quan hải quan có trách nhiệm phối hợp với Quỹ để cung cấp thông tin về căn cứ tính thuế của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá có liên quan, số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp để phục vụ cho việc giám sát, kiểm tra việc khai, nộp khoản đóng góp bắt buộc.

2. Trường hợp qua kiểm tra, thanh tra thuế, hải quan phát hiện giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt chưa đúng quy định của pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt và phải điều chỉnh lại thì cơ quan thuế, cơ quan hải quan thông báo cho Quỹ.

3. Đối với thuốc lá nhập khẩu hoặc thuốc lá mua trong nước để xuất khẩu nhưng bán trong nước, sau khi có kết luận kiểm tra, thanh tra thuế, hải quan mà giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt làm căn cứ tính khoản đóng góp bắt buộc phải điều chỉnh lại thì cơ sở nhập khẩu, cơ sở bán trong nước điều chỉnh số phải nộp của khoản đóng góp bắt buộc chậm nhất là ngày thứ mười, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra.

Đối với thuốc lá sản xuất trong nước, sau khi có kết luận kiểm tra, thanh tra thuế mà giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt làm căn cứ tính khoản đóng góp bắt buộc phải điều chỉnh lại thì cơ sở sản xuất thuốc lá điều chỉnh số phải nộp của khoản đóng góp bắt buộc vào tháng hoặc quý kế tiếp tháng hoặc quý nhận được kết luận kiểm tra, thanh tra thuế.

4. Kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013, mọi vi phạm liên quan đến khoản đóng góp bắt buộc được xử lý theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

5. Quỹ có trách nhiệm thông báo cho cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá về địa điểm nhận hồ sơ khai khoản đóng góp bắt buộc và tài khoản của Quỹ để nộp khoản đóng góp bắt buộc.

Chương III
QUẢN LÝ NGUỒN TÀI CHÍNH KHÁC

Điều 9. Nguồn tài chính khác

1. Quỹ được tiếp nhận các khoản đóng góp tự nguyện, hiến tặng, tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật và nguồn thu hợp pháp khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.

2. Quỹ chủ động vận động và tiếp nhận các nguồn tài chính khác theo quy định của Quỹ và các quy định có liên quan của Nhà nước.

Điều 10. Quản lý nguồn tài trợ của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài và nguồn thu hợp pháp khác

1. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức được thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn liên quan.

2. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài được thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn liên quan.

3. Các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) được tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành có liên quan.

Chương IV
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ

Điều 11. Nhiệm vụ hỗ trợ của Quỹ

Quỹ có nhiệm vụ hỗ trợ các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá theo quy định tại Điều 29 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Đối với truyền thông về tác hại của thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá phù hợp với từng nhóm đối tượng:

a) Chi phí biên tập, sản xuất phóng sự, tọa đàm, thông điệp quảng cáo, phim, nhuận bút viết bài về tác hại của thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá để đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, bao gồm các báo, đài phát thanh, đài truyền hình kể cả các ấn bản điện tử;

b) Chi phí phát sóng truyền thanh, truyền hình các bản tin, phóng sự, tọa đàm, thông điệp quảng cáo, phim về tác hại của thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá; chi đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Chi xây dựng, sản xuất hoặc nhập khẩu và phát hành các ấn phẩm, sản phẩm truyền thông, các tài liệu phục vụ cho hoạt động truyền thông;

d) Chi phổ biến chính sách, pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

đ) Chi tổ chức các hoạt động hưởng ứng tuần lễ quốc gia không thuốc lá;

e) Chi hỗ trợ hoạt động của các đội tuyên truyền cơ động trong các đợt mở chiến dịch tuyên truyền tại cộng đồng, đơn vị:

- Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, ảnh tư liệu và các hoạt động khác;

- Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia đội tuyên truyền cơ động.

2. Đối với xây dựng, triển khai các mô hình điểm về cộng đồng, cơ quan, tổ chức không có khói thuốc lá (gọi tắt là không khói thuốc); phát triển và nhân rộng các mô hình có hiệu quả:

a) Chi hỗ trợ cho các mô hình điểm về cộng đồng, cơ quan, tổ chức không khói thuốc:

- Chi các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi; phòng, chống tác hại của thuốc lá; phổ biến pháp luật và các vấn đề khác có liên quan đến công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá tại cộng đồng, cơ quan, tổ chức, bao gồm:

+ Chi tổ chức các buổi giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề phù hợp với hoạt động chuyên môn về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

+ Chi hỗ trợ các hoạt động truyền thông tại cộng đồng, cơ quan, tổ chức, bao gồm: hỗ trợ tài liệu truyền thông, truyền thanh (xây dựng, biên tập, phát thanh), làm mới, sửa chữa áp phích, khẩu hiệu.

- Chi hỗ trợ lồng ghép các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ngành, địa phương; phong trào quần chúng, hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động xã hội khác của các cơ quan, đơn vị;

- Chi hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác, hội thảo trao đổi chuyên môn nghiệp vụ về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

- Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động về phòng, chống tác hại của thuốc lá tại cơ sở;

- Chi thù lao cho các cộng tác viên tham gia công tác tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi.

b) Chi cho nghiên cứu, đánh giá trước và sau can thiệp các mô hình;

c) Chi xây dựng, sản xuất, nhân bản và phát hành các tài liệu hướng dẫn mô hình điểm;

d) Chi hỗ trợ nhân rộng các mô hình điểm đã thực hiện tốt trong các giai đoạn trước;

đ) Chi cho các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về xây dựng mô hình đơn vị không khói thuốc;

e) Chi cho các hội nghị tổng kết và biểu dương khen thưởng những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt;

g) Chi xây dựng hệ thống theo dõi và giám sát việc thực hiện môi trường không khói thuốc;

h) Chi tập huấn cho việc kiểm tra, giám sát môi trường không khói thuốc;

i) Chi tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện môi trường không khói thuốc.

3. Đối với tổ chức các chiến dịch, sáng kiến về phòng, chống tác hại của thuốc lá dựa vào cộng đồng; tư vấn việc tổ chức nơi dành riêng cho người hút thuốc lá tại các địa điểm công cộng:

a) Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, sáng kiến về phòng chống tác hại của thuốc lá, bao gồm:

- Chi biên soạn đề thi và đáp án;

- Chi quảng cáo thông tin về các cuộc thi trên báo, đài phát thanh, truyền hình;

- Chi bồi dưỡng chấm thi, ban giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi;

- Chi bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức;

- Chi giải thưởng;

- Chi tổ chức trao giải thưởng;

- Chi tổng hợp, báo cáo kết quả cuộc thi.

b) Chi lễ mít tinh;

c) Chi phí thuê chuyên gia xây dựng, hướng dẫn và tư vấn việc tổ chức nơi dành riêng cho người hút thuốc lá tại các địa điểm công cộng.

4. Đối với tổ chức cai nghiện thuốc lá:

a) Chi hỗ trợ nghiên cứu đánh giá hiệu quả của các phương pháp hỗ trợ cai nghiện và nghiên cứu phương pháp cai nghiện phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội Việt Nam;

b) Chi xây dựng và phổ biến các tài liệu truyền thông và tài liệu hướng dẫn về cai nghiện thuốc lá;

c) Chi cho việc triển khai, ứng dụng phương pháp cai nghiện;

d) Chi hỗ trợ các cơ sở y tế thành lập đơn vị tư vấn và điều trị cai nghiện;

đ) Chi các hoạt động hỗ trợ cai nghiện như: tư vấn qua điện thoại, qua internet, tại các cơ sở y tế;

e) Chi tổ chức các hội nghị, hội thảo tổng kết và trao đổi về kinh nghiệm và các phương pháp bỏ thuốc có hiệu quả;

g) Chi tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ y tế và các nhân viên y tế cộng đồng về tác hại của thuốc lá và phương pháp cai nghiện thuốc lá;

h) Chi phí thiết lập và duy trì hệ thống quản lý dữ liệu về dịch vụ cai nghiện thuốc lá.

5. Xây dựng, triển khai các mô hình điểm về cai nghiện thuốc lá dựa vào cộng đồng và phát triển, nhân rộng các mô hình có hiệu quả:

a) Chi triển khai mô hình điểm hỗ trợ cai nghiện thuốc lá dựa vào cộng đồng;

b) Chi nghiên cứu phát triển, đánh giá, giám sát và nhân rộng mô hình cai nghiện thuốc lá dựa vào cộng đồng.

6. Nghiên cứu đưa ra những bằng chứng phục vụ cho công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá, bao gồm các hoạt động:

a) Chi phí nghiên cứu, xây dựng các giải pháp phòng chống tác hại của thuốc lá, sản xuất, nhân bản và công bố công trình nghiên cứu, bằng chứng phục vụ cho công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá;

b) Chi phí điều tra, khảo sát, tổng hợp, chi trả bản quyền thông tin, số liệu, tài liệu phục vụ cho việc xây dựng các giải pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.

7. Xây dựng, hỗ trợ hoạt động, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho mạng lưới cộng tác viên làm công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá, bao gồm các hoạt động:

a) Chi thù lao viết bài và thù lao thuyết trình;

b) Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho mạng lưới cộng tác viên làm công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá;

c) Chi thù lao cho các cộng tác viên về phòng, chống tác hại của thuốc lá tại các tỉnh, thành phố.

8. Xây dựng nội dung giáo dục về tác hại và phòng, chống tác hại của thuốc lá vào chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học:

a) Chi xây dựng, sản xuất và phát hành tài liệu giảng dạy về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

b) Chi tập huấn cho các giáo viên ở các trường phổ thông, giảng viên các trường đại học y dược về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

c) Chi thí điểm đưa tài liệu giảng dạy về phòng, chống tác hại của thuốc lá vào giảng dạy ở các trường phổ thông, các trường đại học y dược;

d) Chi đánh giá hiệu quả của việc giảng dạy phòng, chống tác hại của thuốc lá ở các trường phổ thông, các trường đại học y, dược;

đ) Chi nhân rộng việc đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào giảng dạy ở các trường phổ thông, các trường đại học y dược;

e) Chi xây dựng chương trình giáo dục từ xa về phòng, chống tác hại của thuốc lá qua truyền hình, đài tiếng nói Việt Nam.

9. Thực hiện các giải pháp chuyển đổi ngành, nghề cho người trồng cây thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá, sản xuất thuốc lá, gồm:

- Chi nghiên cứu, đánh giá các giải pháp chuyển đổi ngành nghề cho người trồng cây thuốc lá;

- Chi hỗ trợ học nghề ngắn hạn, hỗ trợ chi phí tư vấn, giới thiệu việc làm tại các trung tâm giới thiệu việc làm.

10. Chi hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

11. Chi giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá;

12. Các khoản chi khác liên quan đến nhiệm vụ hỗ trợ của Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá theo quy định của pháp luật.

Nội dung chi hỗ trợ quy định tại Điều này bao gồm cả chi phí đoàn ra, đoàn vào, chi trả chuyên gia tư vấn, tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, điều tra, khảo sát, công tác phí.

Điều 12. Điều kiện để nhận hỗ trợ của Quỹ

Điều kiện nhận hỗ trợ của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, cụ thể:

1. Tổ chức, cá nhân đề xuất với Quỹ để thực hiện hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá tại Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Có hồ sơ đề nghị hỗ trợ hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá theo quy định của Quỹ.

3. Có đủ năng lực thực hiện hoạt động đề nghị hỗ trợ. Tiêu chí, trình tự và thủ tục nhận xét, đánh giá tổ chức, cá nhân đủ năng lực đề nghị hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cụ thể trên các nguyên tắc sau:

a) Đối với tổ chức phải có quyết định thành lập hoặc văn bản phê duyệt hoạt động của cơ quan có thẩm quyền trong đó ghi rõ chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động đề nghị hỗ trợ;

b) Đối với cá nhân phải có bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm chuyên môn liên quan đến hoạt động đề nghị hỗ trợ.

4. Không nhận tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc lá. Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ phải có cam kết bằng văn bản với Quỹ.

Điều 13. Mức hỗ trợ và thủ tục phê duyệt hỗ trợ kinh phí

Mức hỗ trợ và thủ tục phê duyệt hỗ trợ kinh phí cho hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá thực hiện theo Điều 23 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ kinh phí cho từng hoạt động được Quỹ hỗ trợ do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở kế hoạch hoạt động và phân bổ kinh phí đã được Hội đồng phê duyệt, phù hợp với tính chất, quy mô và nội dung của hoạt động cần hỗ trợ quy định tại Điều 11 Thông tư này và nguồn kinh phí của Quỹ.

2. Mức chi đối với từng nội dung của hoạt động thực hiện theo Quy chế chi hoạt động của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở đồng ý của Hội đồng quản lý Quỹ. Mức chi được xây dựng trên cơ sở thực tế nhưng phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đồng bộ giữa các đối tác nhận hỗ trợ.

a. Đối với một số nội dung chi tương tự với nội dung chi mà Nhà nước đã có quy định thì mức chi cần phù hợp với quy định của Nhà nước;

b. Các nội dung chi đặc thù mà chế độ chi hiện hành chưa có thì Giám đốc Quỹ quyết định mức chi trên cơ sở đồng ý của Hội đồng quản lý Quỹ. Mức chi được xây dựng trên cơ sở thực tế nhưng phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đồng bộ giữa các đối tác nhận hỗ trợ hoặc trường hợp mức chi do Nhà nước quy định chưa được điều chỉnh kịp thời so với thực tế thì mức chi được xây dựng trên cơ sở thực tế và thỏa thuận với người nhận hỗ trợ nhưng tối đa không được vượt quá 02 lần mức chi do Nhà nước quy định, các mức chi điều chỉnh này do Giám đốc Quỹ quyết định cuối cùng trên cơ sở đồng ý của Hội đồng quản lý Quỹ và bổ sung vào Quy chế chi hoạt động của Quỹ.

3. Thủ tục, hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện theo Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ do Giám đốc Quỹ ban hành.

4. Việc cam kết hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ được thực hiện thông qua Hợp đồng ký kết giữa Giám đốc Quỹ với tổ chức, cá nhân theo mẫu do Giám đốc Quỹ ban hành.

5. Giám đốc Quỹ quyết định mức tài trợ trong phạm vi thẩm quyền đã được Chủ tịch Hội đồng phê duyệt; nếu mức hỗ trợ trên mức thẩm quyền của Giám đốc Quỹ sẽ do Chủ tịch Hội đồng quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Quỹ.

Điều 14. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phải được thực hiện đúng đối tượng, kinh phí hỗ trợ phải được sử dụng đúng mục đích và phải được giải ngân theo tiến độ thực hiện của đề xuất hỗ trợ.

2. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và đột xuất các hoạt động được Quỹ hỗ trợ trong quá trình triển khai để đảm bảo đúng các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

3. Việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, Giám đốc điều hành Quỹ được quyền điều chỉnh mức hỗ trợ, tiến độ giải ngân để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính hiệu quả của đề xuất hỗ trợ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ từ Quỹ

1. Thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng hỗ trợ đã ký;

2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn của Quỹ; định kỳ có báo cáo tình hình sử dụng kinh phí theo đúng quy định của Quỹ;

3. Thực hiện quyết toán trực tiếp với Quỹ theo các quy định của Quỹ;

4. Bị đình chỉ hỗ trợ, hủy hợp đồng hỗ trợ và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế của Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm các quy định của hợp đồng hỗ trợ;

b) Phát hiện về sự gian lận hoặc sử dụng sai khoản hỗ trợ so với cam kết ban đầu;

c) Cá nhân có phạm tội hình sự hoặc tranh chấp pháp lý khác ảnh hưởng đến tiến độ triển khai khoản hỗ trợ;

5. Tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ từ Quỹ có trách nhiệm tuân thủ việc kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất của Quỹ.

Chương V
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 16. Tiền lương, tiền thưởng

1. Tiền lương và các khoản phụ cấp đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc của người lao động và các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công.

2. Hưởng chế độ lương có hệ số điều chỉnh tăng thêm nhưng tổng mức thu nhập trong năm cho người lao động tối đa không quá 03 lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế trả lương phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 17. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi của người lao động:

a) Được hưởng các quyền lợi theo hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và các quy định của pháp luật về lao động;

b) Được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Trong thời gian làm việc tại Quỹ được tham gia công tác, học tập, tham quan và khảo sát ở trong nước và nước ngoài khi cần thiết theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người lao động:

a) Chấp hành đầy đủ những thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động;

b) Chấp hành nội quy, kỷ luật lao động của Quỹ và pháp luật hiện hành.

Điều 18. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ sẽ được Quỹ khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy chế của Quỹ;

2. Xử lý vi phạm:

a) Cán bộ, viên chức, người lao động của Quỹ vi phạm các quy định của Quỹ tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế của Quỹ;

b) Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ của Quỹ nếu vi phạm các quy định của Hợp đồng hỗ trợ sẽ bị đình chỉ hỗ trợ, hủy hợp đồng hỗ trợ và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế của Quỹ. Trường hợp sử dụng tiền hỗ trợ sai mục đích phải hoàn trả số tiền sử dụng sai mục đích cho Quỹ.

Điều 19. Các khoản chi của Quỹ

1. Chi cho các hoạt động quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Chi phí quản lý hành chính để điều hành hoạt động của Quỹ bao gồm:

a) Các khoản chi thanh toán cho cá nhân: tiền lương, tiền công, phụ cấp; các khoản đóng góp theo lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định;

b) Các khoản chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí thuê mướn; chi vật tư văn phòng; thông tin, liên lạc; chi hội nghị; công tác phí trong nước; chi đoàn ra; chi đoàn vào; chi may sắm đồng phục; chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định phục vụ công tác của Quỹ;

c) Thuê trụ sở làm việc, mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ hoạt động;

d) Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế;

đ) Các chi phí khác phục vụ công tác quản lý điều hành Quỹ phù hợp quy định của pháp luật.

3. Chế độ quản lý chi tiêu:

a) Căn cứ dự toán chi quản lý hàng năm được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và các khoản thu hợp pháp, Quỹ được áp dụng quy định tự chủ về biên chế và tài chính theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng quy chế chi hoạt động đối với các hoạt động hỗ trợ của Quỹ và quy chế chi tiêu nội bộ đối với các khoản chi quản lý hành chính theo hướng dẫn tại Thông tư này trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt làm căn cứ thực hiện, quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

c) Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

- Các khoản chi đã được nguồn kinh phí khác trang trải;

- Các khoản thiệt hại đã được bên thứ ba bồi thường;

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trích lập, sử dụng các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi

1. Quỹ được trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ chênh lệch thu chi tài chính hàng năm của Quỹ. Đối với 02 (hai) Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi, mức

trích tối đa không quá 03 (ba) tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm.

2. Việc sử dụng các quỹ như sau:

a) Quỹ khen thưởng được sử dụng để khen thưởng cuối năm hoặc định kỳ cho cán bộ, viên chức, người lao động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Điều lệ Quỹ; thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng Quỹ quyết định.

b) Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ, chi cho các các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ; đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác. Việc sử dụng quỹ phúc lợi phải được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ trên cơ sở đề xuất của Ban chấp hành Công đoàn Quỹ.

Điều 21. Quản lý, mua sắm và sử dụng tài sản

1. Đầu tư, mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ được thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Quỹ được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật, tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả. Khi thanh lý, nhượng bán tài sản, Quỹ phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật.

Số tiền thu được từ chênh lệch do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được để lại để sử dụng tái tạo lại tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị.

3. Đối với các trường hợp tổn thất về tài sản của Quỹ, Quỹ phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý:

a) Nếu tài sản bị tổn thất do lỗi của tập thể, cá nhân thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Nếu tài sản đã mua bảo hiểm theo pháp luật thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

4. Quỹ phải thực hiện việc kiểm kê tài sản theo quy định hiện hành.

Chương VI
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ

Điều 22. Chế độ kế toán

1. Quỹ là tổ chức hạch toán độc lập. Quỹ phải tổ chức công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, bổ nhiệm kế toán trưởng hoặc bố trí phụ trách kế toán theo quy định hiện hành.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí phát sinh trong năm.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

4. Quỹ phải tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật kế toán.

Quỹ thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính để thực hiện công tác kế toán của Quỹ.

5. Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính, kế toán của Bộ Y tế, Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành.

Quỹ phải chịu sự kiểm tra kế toán theo quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật kế toán.

Điều 23. Thống kê

Quỹ thực hiện công tác thống kê theo quy định của Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật thống kê.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[4]

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2014.

Cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá tự khai, tự tính và tự nộp khoản đóng góp bắt buộc đối với thuốc lá sản xuất trong nước bán ra và nhập khẩu từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 theo hướng dẫn tại Chương II Thông tư này trong vòng 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế đối với việc chậm nộp khoản đóng góp bắt buộc phát sinh trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 06/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2020
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

---

[4] Điều 2 Thông tư số 72/2019/TT-BTC quy định như sau:

"Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./."

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/ĐGBB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI KHOẢN ĐÓNG GÓP BẮT BUỘC (ĐGBB) ĐỐI VỚI THUỐC LÁ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

[01] Kỳ tính nộp: tháng..... năm.....

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] **Tên người nộp:**.....

[05] Mã số thuế:.....

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại..... [10] Fax:.....[11] E-mail: .....

[12] **Tên đại lý thuế khai thay (nếu có):**.....

[13] Mã số thuế:.....

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại..... [18] Fax: .....[19] E-mail:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên thuốc lá	Đơn vị tính	Lượng hàng bán ra (bao 20 điếu)	Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Tỷ lệ khoản ĐGBB (%)	Khoản ĐGBB phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6) x (7)
I	**Thuốc lá phải chịu khoản ĐGBB**						
1	Thuốc lá nhãn A						
2	Thuốc lá nhãn B						
	...						
II	**Thuốc lá không chịu khoản ĐGBB**						
1	Thuốc lá xuất khẩu				-	-	-
2	Thuốc lá bán để xuất khẩu				-	-	-
3	Thuốc lá gia công để xuất khẩu				-	-	-
	Tổng cộng:						

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

NGƯỜI NỘP hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 02/ĐGBB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI KHOẢN ĐÓNG GÓP BẮT BUỘC (ĐGBB) ĐỐI VỚI THUỐC LÁ NHẬP KHẨU

[01] Theo Tờ khai hải quan số....., ngày.....

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Tên người nộp:.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:.....
[09] Điện thoại..... [10] Fax: .....[11] E-mail: .....

[12] Tên đại lý hải quan khai thay (nếu có):.....
[13] Mã số thuế:.....
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/thành phố:.....
[17] Điện thoại..... [18] Fax: .....[19] E-mail: .....
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

TT	Tên thuốc lá nhập khẩu	Đơn vị tính hàng nhập khẩu	Lượng hàng nhập khẩu	Trị giá nhập khẩu nguyên tệ	Trị giá tính thuế nhập khẩu (VNĐ)	Thuế nhập khẩu phải nộp (VNĐ)	Trị giá tính thuế TTĐB (VNĐ)	Tỷ lệ ĐGBB (%)	Khoản ĐGBB phải nộp (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10) = (8) x (9)
I	**Thuốc lá phải chịu khoản ĐGBB**								
1	Thuốc lá nhãn A								
2	Thuốc lá nhãn B								
	...								
II	**Thuốc lá không chịu khoản ĐGBB**								
1	Thuốc lá tạm nhập, tái xuất (nếu có)							-	-
	Tổng cộng:								

Tỷ giá tham chiếu:
(Tỷ giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.)

Tôi cam đoan số liệu khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng